TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung.

2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 748/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 31, ấp Bình H, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ 31, ấp Bình H, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2024, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 25/10/2011. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà G yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Hồ Văn Thái N, sinh ngày 02/7/2012 và Hồ Văn Thái T, sinh ngày 30/9/2015, hiện đang sống với bà G. Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung là cháu N và cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà G nhưng ông T vắng mặt không có lý do, nên Toà án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Văn Thái N và Hồ Văn Thái T cho bà G trực tiếp chăm sóc nuôi dạy. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà G có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà G, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà G và ông T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 25/10/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà G thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống từ năm 2023 do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà G yêu cầu ly hôn với ông T.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định pháp luật, triệu tập hợp lệ ông T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà G nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không khiếu nại, không có ý kiến phản bác, phản tố đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà G và ông T. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập, đại diện ban ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú cho biết trong quá trình chung sống bà G và ông T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ do không nhận được thông tin.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà G yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà G và ông T có 02 người con chung tên Hồ Văn Thái N, sinh ngày 02/7/2012 và Hồ Văn Thái T, sinh ngày 30/9/2015.

Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung là cháu N và cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu N và cháu T hiện đang sống với bà G, cháu N và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà G. Nên giao cháu N và cháu T cho bà G tiếp tục nuôi dạy. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc G.

Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Hồ Văn T.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc G.

Bà Nguyễn Thị Ngọc G được nuôi dạy con chung tên Hồ Văn Thái N, sinh ngày 02/7/2012 và Hồ Văn Thái T, sinh ngày 30/9/2015.

Ông Hồ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009077 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Hồ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng